TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **89**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 9 - 2019
V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Trí Thức.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Văn Chương.

2. Ông Nguyễn Đắc Liệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Minh Hải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 205/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2019 về "Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bành Thụy Thu M, sinh năm 1999. Địa chỉ: B, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1990. Địa chỉ: P, Phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Bành Thụy Thu M trình bày:

Bà M và ông N tự nguyện chung sống vợ chồng với nhau từ tháng 01/2018, có đăng ký kết hôn năm 2018 tại UBND phường N, thành phố V. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khi có thai tháng thứ 8 thì phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cãi nhau về tiền bạc; vợ chồng ở chung với gia đình bà nhưng ông N thường hay bỏ nhà đi qua đêm và có những lời lẽ không tôn trọng gia đình. Sau khi sinh con thì vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau, dẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc. Do không thể chung sống nên ông N đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống khoảng một năm và vợ chồng ly thân từ đó đến nay, mạnh ai

nấy sống không quan tâm gì đến nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà M yêu cầu được ly hôn với ông N.

Về con chung: Bà M và ông N có 1 con chung là Nguyễn Đăng K, sinh ngày 15/9/2018 hiện đang ở với với bà M. Bà M yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Thành N: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông N đều vắng mặt không có lý do nên xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Ý kiến Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Về thủ tục tố tụng, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều tuân theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; Về nội dung, theo lời khai của bà M và nội dung biên bản xác minh nơi cư trú và tình trạng mâu thuẫn vợ chồng, xét thấy bà M yêu cầu ly hôn với ông N là có cơ sở nên chấp nhận. Về con chung, chấp nhận yêu cầu của bà M được nuôi cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 15/9/2018, ông N không phải cấp dưỡng nuôi con do bà M không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Bành Thụy Thu M và ông Nguyễn Thành N tự nguyên chung sống vợ chồng với nhau và có đăng ký kết hôn ngày 12/7/2018 tại UBND phường N, thành phố V nên quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông N là hợp pháp. Về mâu thuẫn vợ chồng, bà M cho rằng vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì thường xuyên cãi nhau về tiền bạc và ông N không tôn trọng gia đình bà, thường hay bỏ nhà đi qua đêm và. Sau khi sinh con thì ông N đã bỏ về nhà cha mẹ ruột ở và vợ chồng ly thân từ đó đến nay khoảng một năm, hiện không còn tình cảm nên bà M yêu cầu ly hôn với ông N. Xét thấy, lời khai của bà M phù hợp với nội dung biên bản xác minh nơi cư trú và tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng nên có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng bà M, ông N là sự thật và cả hai đã có thời gian dài sống ly thân, thể hiện mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M đối với ông N.

[3] Về con chung: Bà M và ông N có 1 con chung là Nguyễn Đăng K, sinh ngày 15/9/2018 hiện đang ở với với bà M. Bà M yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy, cháu Khôi còn nhỏ, đang sống ổn định với bà M nên chấp nhận giao cháu K cho bà M được trực tiếp nuôi dưỡng, ông N không phải

cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà M không yêu cầu nên không xét đến.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Án phí: Bà M phải nộp 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Bành Thụy Thu M được ly hôn với ông Nguyễn Thành N.

2. Về con chung: Bà M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Đăng K, sinh ngày 15/9/2018; Ông N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ, hoặc cá nhân, tổ chức được qui định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà M không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

4. Án phí: Bà Bành Thụy Thu M phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0007610 ngày 07/3/2019. Bà M đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND, VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Chi cục THADS thành phố V;
- UBND P. N, thành phố V;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HOÀNG TRÍ THỨC